

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC  
HẦM ĐƯỜNG BỘ HẢI VÂN**

*Báo cáo tài chính*

*Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016  
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: **49.375.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh xây dựng, dịch vụ

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dụng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

#### **4. Cấu trúc doanh nghiệp**

##### **Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

- Văn phòng Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Hàm ĐB Hải Vân
- CN Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Hàm Đường Bộ Hải Vân Tại Long An
- CN Bình Định - Chi Nhánh Hamadeco
- XN Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân
- XN Quản Lý Đường Bộ Và Xây Dựng Hải Vân - Chi Nhánh Hamadeco
- XN Bảo Trì Đường Bộ Và Hầm Hải Vân - Chi Nhánh Hamadeco
- CN Hợp Doanh Bachchambard - Hamadeco

##### **Công ty liên doanh, liên kết**

- Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Hamadeco

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Đỗ Văn Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/11/2017
Ông: Phan Văn Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/11/2017
	Phó chủ tịch	Từ ngày 05/12/2016 đến 01/01/2017
Ông: Trần Văn Thế	Chủ tịch	Từ ngày 26/11/2015 đến 10/09/2016
	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/09/2016
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
Ông: Nguyễn Tấn Đông	Thành viên	Từ ngày 05/07/2016 đến 10/09/2016
	Phó chủ tịch	Từ ngày 12/8/2016 đến 10/09/2016
	Chủ tịch	Từ ngày 10/09/2016 đến 01/01/2017
	Thành viên	Từ ngày 01/01/2017
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 5/5/2017
Ông: Nguyễn Xuân Hường	Phó CT HĐQT	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
Ông: Lưu Bá Hợp	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
Ông: Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	Từ ngày 21/07/2015
Ông: Nguyễn Đình Chính	Thành viên HĐQT	Từ ngày 26/09/2016
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	Từ ngày 12/08/2016
Ông: Trần Đại Xuân	Thành viên HĐQT	Từ ngày 26/11/2015
	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 05/05/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Nguyễn Xuân Hường	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông: Trần Đại Xuân	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2016
	Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 20/10/2017
	Phó TGD	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông: Võ Cảnh Tinh	Phó TGD	Bổ nhiệm ngày 18/01/2016
Ông: Nguyễn Quang Hưng	Phó TGD	Bổ nhiệm ngày 23/01/2017
Ông: Trần Văn Chí	Phó TGD	Bổ nhiệm ngày 18/10/2017
Bà: Hoàng Thị Hải Oanh	Phó TGD	Bổ nhiệm ngày 27/12/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Huỳnh Tấn Diệu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/03/2016
Ông: Nguyễn Minh Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/08/2016
Bà: Trần Thị Hồng Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2013

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Nguyễn Xuân Hường	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông: Trần Đại Xuân	Miễn nhiệm ngày 20/10/2017

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Văn Ân
--------------------



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **CAM KẾT KHÁC**

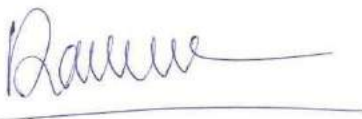
Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch



**ĐỖ VĂN NAM**

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



**NGUYỄN XUÂN HƯƠNG**

Số : 323./BCKT/TC/2018/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
của Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân được lập ngày 10 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Đỗ Khắc Thanh**

**Kiểm toán viên**



**Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>208.790.733.926</b>	<b>72.452.349.874</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	21.761.029.630	23.132.917.386
111	1. Tiền		6.761.029.630	23.132.917.386
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.02		
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>75.967.560.600</b>	<b>40.065.939.838</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	42.301.227.079	38.916.060.869
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		28.977.356.340	675.301.800
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	7.222.112.924	3.007.712.912
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(2.533.135.743)	(2.533.135.743)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.05	<b>100.813.302.785</b>	<b>8.572.456.373</b>
141	1. Hàng tồn kho		100.813.302.785	8.572.456.373
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.248.840.911</b>	<b>681.036.277</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	749.604.704	681.036.277
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.187.979.081	
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	311.257.126	
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

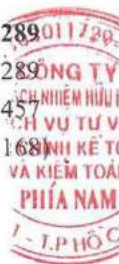


## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>89.414.478.731</b>	<b>47.780.555.642</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác			
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>63.839.373.813</b>	<b>42.971.924.289</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	63.221.081.179	42.971.924.289
222	- Nguyên giá		121.563.672.936	111.612.642.457
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(58.342.591.757)	(68.640.718.168)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.07	618.292.634	
228	- Nguyên giá		663.292.634	45.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(45.000.000)	(45.000.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	V.08	<b>7.898.116.500</b>	<b>1.384.729.701</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		7.898.116.500	1.384.729.701
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.02	<b>13.500.000.000</b>	
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		13.500.000.000	
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.176.988.418</b>	<b>3.423.901.652</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.09	4.176.988.418	3.423.901.652
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>298.205.212.657</b>	<b>120.232.905.516</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>245.247.706.748</b>	<b>70.811.938.529</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>233.481.817.858</b>	<b>56.984.385.259</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	19.540.074.759	10.872.788.066
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		90.963.727.057	1.075.270.026
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	1.064.845.636	969.106.583
314	4. Phải trả người lao động		4.486.986.828	3.160.728.766
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	3.264.124.469	1.321.667.411
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	9.895.901.558	3.585.469.377
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.10	105.311.777.995	37.046.225.474
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.045.620.444)	(1.046.870.444)
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>11.765.888.890</b>	<b>13.827.553.270</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.14		13.827.553.270
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.10	11.765.888.890	
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>V.15</b>	<b>52.957.505.909</b>	<b>49.420.966.987</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu		52.957.505.909	49.420.966.987
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		49.375.000.000	49.375.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(289.680.000)	(289.680.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		288.173.365	288.173.365
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.584.012.544	47.473.622
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47.473.622	248.128.313
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.536.538.922	(200.654.691)
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>298.205.212.657</b>	<b>120.232.905.516</b>


Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng






HOÀNG MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN XUÂN HƯỞNG

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	121.154.777.328	293.350.914.152
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		121.154.777.328	293.350.914.152
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	94.893.883.540	267.783.022.874
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.260.893.788	25.567.891.278
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	505.996.527	47.478.072
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	3.104.607.149	3.092.031.521
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.104.607.149	2.933.195.976
24	8. Chi phí bán hàng	VI.06		15.816.717.404
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	15.826.764.197	4.114.571.931
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.835.518.969	2.592.048.494
31	11. Thu nhập khác	VI.07	67.445.689	474.033.956
32	12. Chi phí khác	VI.08	3.369.332.185	649.928.511
40	13. Lợi nhuận khác		(3.301.886.496)	(175.894.555)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.533.632.473	2.416.153.939
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	997.093.551	776.623.403
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.536.538.922	1.639.530.536
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	716	368
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		716	368

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

HOÀNG MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN ÂN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



NGUYỄN XUÂN HƯỜNG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		4.533.632.473	1.639.530.536
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		6.533.358.019	5.081.929.987
03	2. Các khoản dự phòng		2.533.135.743	2.533.135.743
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(505.996.527)	(47.478.072)
06	5. Chi phí lãi vay		3.104.607.149	2.933.195.976
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>16.198.736.857</b>	<b>12.140.314.170</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(45.089.599.843)	10.644.412.771
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(92.240.846.412)	10.370.020.325
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		126.128.663.189	77.773.126.612
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(821.655.193)	508.436.276
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.458.022.956)	(1.415.481.639)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(200.000.000)	(1.448.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(15.681.461.215)</b>	<b>96.432.514.345</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(57.384.358.481)	(4.767.800.473)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		14.643.447.519	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(13.500.000.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		504.631.199	44.744.730
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(55.736.279.763)</b>	<b>(4.723.055.743)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		142.928.521.427	16.279.281.209
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(72.882.668.205)	(89.823.726.603)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(1.241.280.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>70.045.853.222</b>	<b>(74.785.725.394)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(1.371.887.756)</b>	<b>16.923.733.208</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>23.132.917.386</b>	<b>6.209.184.178</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>21.761.029.630</b>	<b>23.132.917.386</b>

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN XUÂN HƯƠNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: **49.375.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh xây dựng, dịch vụ

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỡ tinh chế;

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc: 07 đơn vị

Tên công ty	Địa chỉ
- Văn phòng Công Ty Cổ Phần Quản Lý và Khai Thác Hầm ĐB Hải Vân	27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
- CN Công Ty Cổ Phần Quản Lý và Khai Thác Hầm Đường Bộ Hải Vân Tại Long An	Khu công nghiệp Cầu Tràm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
- CN Bình Định - Chi Nhánh Hamadeco	QL1A thôn Phú Mỹ 2, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
- XN Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
- XN Quản Lý ĐB và Xây Dựng Hải Vân - Chi Nhánh Hamadeco	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### - Danh sách đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc: ( Tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ
- XN Bảo Trì ĐB Và Hàm Hải Vân - Chi Nhánh Hamadeco	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
- CN Hợp Doanh Bachchambard - Hamadeco	27 Bùi Chát, Phường Hóa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

### - Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm: 01 Công ty

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
- Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Hamadeco	27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	22%	22%

## II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

### 2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

#### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

### **b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### + Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### + Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

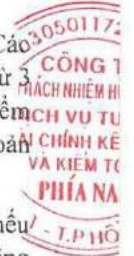
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### + Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### - Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### - Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### - Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại**

Thuế thu nhập hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước nếu chưa nộp được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu giá trị đã nộp trong kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt qua số phải nộp cho các kỳ đó, thì phần nộp thừa sẽ được ghi nhận là tài sản.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền mặt</b>	<b>337.392.655</b>	<b>184.759.214</b>
- VND	337.392.655	184.759.214
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>6.423.636.975</b>	<b>22.948.158.172</b>
- Tiền gửi (VND)	6.423.636.975	22.948.158.172
- Tiền gửi (USD)		
<b>Tiền đang chuyển</b>		
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>15.000.000.000</b>	
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
<b>Cộng</b>	<b>21.761.029.630</b>	<b>23.132.917.386</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

##### b1) Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

##### b2) Dài hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ

#### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

##### Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Hamadeco (\*)

##### Đầu tư vào đơn vị khác

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
13.500.000.000			
13.500.000.000			
13.500.000.000			

**Ghi chú (\*):** Do Công ty chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>42.301.227.079</b>		<b>38.916.060.869</b>	
CN Công ty CP đầu tư Đèo cả tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	7.400.161.500			
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	3.967.812.903			
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả	13.913.367.603			
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533		3.399.652.533	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	3.467.311.774			
Công ty Cổ phần Cầu đường 19	4.059.173.165		4.059.173.165	
Đối tượng khác	6.093.747.601		31.457.235.171	
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>42.301.227.079</b>		<b>38.916.060.869</b>	

**c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Xem thuyết minh VIII.03

**04 . PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.222.112.924</b>		<b>3.007.712.912</b>	
Tạm ứng	2.077.964.506		1.530.871.050	
Phải thu khác	5.144.148.418		1.476.841.862	
+ Ký quỹ	177.932.291		161.252.210	
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	4.000.000.000			
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000		837.818.000	
+ Đối tượng khác	128.398.127		477.771.652	
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ				
<b>Cộng</b>	<b>7.222.112.924</b>		<b>3.007.712.912</b>	

**05 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	6.063.795.050		5.449.387.887	
- Công cụ, dụng cụ	479.062.749		352.017.572	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	94.265.748.740		2.650.236.348	
- Thành phẩm	4.696.246		1.853.988	
- Hàng hóa			118.960.578	
<b>Cộng</b>	<b>100.813.302.785</b>		<b>8.572.456.373</b>	



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

### 06. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	31.352.223.298	27.464.465.196	51.701.423.470	1.094.530.493		111.612.642.457
<b>2. Số tăng trong năm</b>	9.664.502.240	20.935.363.635	20.395.506.388	367.718.182		51.363.090.445
- Mua trong năm	9.664.502.240	20.935.363.635	20.395.506.388	367.718.182		51.363.090.445
- Tăng khác						
<b>3. Số giảm trong năm</b>	8.242.049.752	16.658.976.697	16.218.372.017	292.661.500		41.412.059.966
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Nhượng bán, thanh lý	8.242.049.752	16.658.976.697	16.218.372.017	292.661.500		41.412.059.966
<b>4. Số dư cuối năm</b>	32.774.675.786	31.740.852.134	55.878.557.841	1.169.587.175		121.563.672.936
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	11.882.356.149	15.854.936.414	39.925.612.714	977.812.890		68.640.718.168
<b>2. Khấu hao trong năm</b>	1.223.859.738	1.629.275.560	3.228.571.867	72.235.900		6.153.943.065
- Khấu hao trong năm	1.223.859.738	1.629.275.560	3.228.571.867	72.235.900		6.153.943.065
- Tăng khác						
<b>3. Giảm trong năm</b>	2.381.180.385	6.617.111.618	7.187.847.400	265.930.073		16.452.069.476
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Nhượng bán, thanh lý	2.381.180.385	6.617.111.618	7.187.847.400	265.930.073		16.452.069.476
<b>4. Số dư cuối năm</b>	10.725.035.502	10.867.100.356	35.966.337.181	784.118.717		58.342.591.757
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	19.469.867.149	11.609.528.782	11.775.810.756	116.717.603		42.971.924.289
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	22.049.640.284	20.873.751.778	19.912.220.660	385.468.458		63.221.081.179

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 10.711.691.988 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.659.952.224 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

### 07 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm				45.000.000		45.000.000
2. Số tăng trong năm	618.292.634					618.292.634
- Mua trong năm	618.292.634					618.292.634
- Tặng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm	618.292.634			45.000.000		663.292.634
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm				45.000.000		45.000.000
2. Khấu hao trong năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tặng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm				45.000.000		45.000.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm						
2. Tại ngày cuối năm	618.292.634					618.292.634

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: VND

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 618.292.634 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

08 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>7.898.116.500</b>	<b>1.384.729.701</b>
- Xây dựng khu thăm quan, du lịch	377.340.276	377.340.276
- Xây dựng nhà tập thể -27 Bùi Chát	365.010.327	365.010.327
- Xây dựng trụ sở văn phòng - 27 Bùi Chát	6.547.349.769	
- Xây dựng xưởng cơ khí Công ty	96.186.128	
- Xây dựng Trạm cân 100 tấn Nhà máy Bình Định		62.127.237
- Sửa chữa chung cư Plaza	512.230.000	
- Sửa chữa văn phòng Công ty		208.173.680
- Sửa chữa nhà trạm trung chuyển		372.078.181
<b>Cộng</b>	<b><u>7.898.116.500</u></b>	<b><u>1.384.729.701</u></b>
<b>09 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>749.604.704</b>	<b>681.036.277</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	185.662.447	66.147.183
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	395.492.257	573.155.102
Chi phí khác	168.450.000	41.733.992
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.176.988.418</b>	<b>3.423.901.652</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	658.905.937	449.810.012
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	232.034.032	139.480.190
Chi phí khác	586.870.648	135.433.649
Tiền thuê đất Nhà máy Long An	2.699.177.801	2.699.177.801
<b>Cộng</b>	<b><u>4.926.593.122</u></b>	<b><u>4.104.937.929</u></b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

#### a) Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND	105.311.777.995	105.311.777.995	129.895.021.427	61.629.468.606	37.046.225.474	37.046.225.474
- Ngân hàng Công Thương CN Đà Nẵng	100.282.571.507	100.282.571.507	126.346.884.102	26.064.312.295		
- Ngân hàng Công Thương CN Bắc Đà Nẵng	5.029.206.488	5.029.206.488	3.527.668.831	27.854.373.493	24.326.704.662	24.326.704.662
- Cán bộ công nhân viên Công ty			20.468.494	7.710.782.818	12.719.520.812	12.719.520.812
Vay ngắn hạn - USD						
<b>Cộng</b>	<b>105.311.777.995</b>	<b>105.311.777.995</b>	<b>129.895.021.427</b>	<b>61.629.468.606</b>	<b>37.046.225.474</b>	<b>37.046.225.474</b>

#### b) Vay dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	11.765.888.890	11.765.888.890	13.033.500.000	1.267.611.110		
Trên 5 năm						
<b>Cộng</b>	<b>11.765.888.890</b>	<b>11.765.888.890</b>	<b>13.033.500.000</b>	<b>1.267.611.110</b>		



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

### 11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>19.540.074.759</b>	<b>19.540.074.759</b>	<b>10.872.788.066</b>	<b>10.872.788.066</b>	<b>10.872.788.066</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ VINA S.F	1.412.813.400	1.412.813.400	23.558.700	23.558.700	23.558.700
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Tiến - Đà Nẵng	1.510.547.001	1.510.547.001			
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ kỹ thuật KĐHC Toàn Cầu	1.337.286.820	1.337.286.820			
Công ty TNHH TM và XD Thịnh Quốc	1.138.225.687	1.138.225.687			
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	1.132.620.290	1.132.620.290	1.821.732.000	1.821.732.000	1.821.732.000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đường Việt	2.228.840.000	2.228.840.000			
Nguyễn Văn Dung	601.764.399	601.764.399	94.352.000	94.352.000	94.352.000
- Đối tượng khác	10.177.977.162	10.177.977.162	8.933.145.366	8.933.145.366	8.933.145.366
<b>b) Dài hạn</b>					
<b>Cộng</b>	<b>19.540.074.759</b>	<b>19.540.074.759</b>	<b>10.872.788.066</b>	<b>10.872.788.066</b>	<b>10.872.788.066</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

### 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải trả
Thuế thu nhập doanh nghiệp		(15.778.671)	997.093.551	200.000.000		781.314.880
Thuế thu nhập cá nhân		(17.853.483)	253.416.372	233.516.986		2.045.903
Thuế GTGT	972.705.185		2.058.789.352	2.750.009.684		281.484.853
Thuế tài nguyên	48.397.440			48.397.440		
Thuế khác	(18.363.888)		18.363.888	311.257.126	311.257.126	
<b>Cộng</b>	<b>969.106.583</b>		<b>3.327.663.163</b>	<b>3.543.181.236</b>	<b>311.257.126</b>	<b>1.064.845.636</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

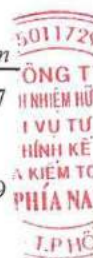
### 13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí tiền thuê nhà gói SC1, SC2	2.514.800.000	
Trích trước chi phí tiền thi công đường hầm Hải Vân		238.636.364
Trích trước chi phí nhũ tương	55.809.000	
Trích trước lãi vay	688.154.883	1.041.732.776
Các khoản khác	5.360.586	41.298.271
<b>Cộng</b>	<b>3.264.124.469</b>	<b>1.321.667.411</b>

### 14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.895.901.558</b>	<b>3.585.469.377</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	179.846.896	199.217.039
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	264.464.537	
Tạm ứng (dư có TK 141)	249.561.761	297.282.439
Quỹ ủng hộ	301.269.931	295.933.077
Phải trả Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.840.185.227	1.840.185.227
Phải trả mượn tiền Nguyễn Huy Tuấn Anh	2.354.000.000	
Phải trả mượn Nguyễn Kim Hà	4.009.900.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	696.673.206	952.851.595
<b>b) Dài hạn</b>		<b>13.827.553.270</b>
Phải trả Công ty France Emulsion tiền góp vốn liên doanh		13.827.553.270
<b>Cộng</b>	<b>9.895.901.558</b>	<b>17.413.022.647</b>

### c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2016

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>31.600.000.000</b>		<b>(857.680.000)</b>	<b>288.173.365</b>	<b>2.057.408.313</b>	<b>33.087.901.678</b>
Tăng vốn trong năm trước	17.775.000.000					17.775.000.000
Lãi trong năm trước						
Tăng do trích lập từ lợi nhuận						
Tăng khác			857.680.000			857.680.000
Giảm vốn trong năm trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(200.654.691)	(200.654.691)
Lỗ trong năm trước					(1.809.280.000)	(1.809.280.000)
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác		(289.680.000)				(289.680.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>49.375.000.000</b>	<b>(289.680.000)</b>		<b>288.173.365</b>	<b>47.473.622</b>	<b>49.420.966.987</b>
Tăng vốn trong năm nay						
Lãi trong năm nay					3.536.538.922	3.536.538.922
Tăng do trích từ lợi nhuận						
Tăng khác						
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Giảm vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>49.375.000.000</b>	<b>(289.680.000)</b>		<b>288.173.365</b>	<b>3.584.012.544</b>	<b>52.957.505.909</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

15 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của Công ty mẹ	39.892.550.000	80,80%	25.274.000.000	51,19%
- Công ty CP ĐT XD Cầu Đường Sài Gòn ( Công ty mẹ)				
Vốn góp của các đối tượng khác	9.482.450.000	19,20%	24.101.000.000	48,81%
<b>Cộng</b>	<b>49.375.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>49.375.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### 15 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	49.375.000.000	49.375.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	49.375.000.000	49.375.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

### 15 . 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.937.500	4.937.500
- Cổ phiếu phổ thông	4.937.500	4.937.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.937.500	4.937.500
- Cổ phiếu phổ thông	4.937.500	4.937.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

### 15 . 5. Các quỹ của công ty:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	288.173.365	288.173.365
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

### 16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)		
- Bảng Anh (EUR)		

b) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu hoạt động xây lắp, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa	100.369.676.259	100.028.142.610
Dịch vụ sản xuất nhũ tương		171.129.993.405
Doanh thu dịch vụ	20.176.984.090	16.627.004.547
Doanh thu khác	608.116.979	5.565.773.590
<b>Cộng</b>	<b>121.154.777.328</b>	<b>293.350.914.152</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ	Năm nay
Công ty CP đầu tư xây dựng Sài Gòn	Công ty mẹ	18.924.170.970
Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Hamadeco	Công ty liên kết	

**02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
<b>Cộng</b>		

**03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây lắp, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa	76.827.313.900	100.611.624.717
Giá vốn sản xuất nhũ tương		148.457.156.319
Giá vốn dịch vụ	17.365.593.021	13.942.970.883
Giá vốn khác	700.976.619	4.771.270.955
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>94.893.883.540</b>	<b>267.783.022.874</b>

**04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	505.996.527	47.478.072
Lãi chênh lệch tỷ giá		
<b>Cộng</b>	<b>505.996.527</b>	<b>47.478.072</b>

**05. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.104.607.149	2.933.195.976
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		158.835.545
Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>3.104.607.149</b>	<b>3.092.031.521</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

#### 06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu		5.715.347.842
Chi phí công cụ, dụng cụ		27.225.000
Chi phí nhân viên		554.911.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài		9.519.233.062
Các khoản chi phí bán hàng khác		
<b>Cộng</b>		<b>15.816.717.404</b>

#### 06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	7.474.369.587	2.190.473.586
Chi phí công cụ, dụng cụ	733.562.203	
Chi phí khấu hao	496.265.154	145.581.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.296.208.604	173.469.021
Thuế, phí, lệ phí	286.554.240	6.000.000
Các khoản chi phí QLDN khác	5.539.804.409	1.599.047.752
<b>Cộng</b>	<b>15.826.764.197</b>	<b>4.114.571.931</b>

### 07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		438.073.595
Các khoản khác	67.445.689	35.960.361
<b>Cộng</b>	<b>67.445.689</b>	<b>474.033.956</b>

### 08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, CCDC, TSCĐ	2.559.115.191	559.534.939
Chi phí thanh lý Công cụ dụng cụ, hàng tồn kho	502.777.308	
Các khoản khác	307.439.686	90.393.572
<b>Cộng</b>	<b>3.369.332.185</b>	<b>649.928.511</b>

### 09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YÊU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	128.927.130.506	158.367.060.921
Chi phí nhân công	30.201.205.059	38.157.496.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.145.434.694	3.120.794.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.939.091.551	61.421.100.524
Chi phí khác bằng tiền	4.811.019.925	1.278.349.144
<b>Cộng</b>	<b>184.023.881.735</b>	<b>262.344.801.314</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	997.093.551	776.623.403
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>997.093.551</b>	<b>776.623.403</b>

### 11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.536.538.922	1.639.530.536
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.937.500	4.450.551
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>716</b>	<b>368</b>

### VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BC lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

	Năm nay
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	142.928.521.427
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	72.882.668.205

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao và tiền lương của các thành viên quản lý chủ chốt	1.482.825.170	1.662.352.041

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP đầu tư xây dựng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Hamadeco	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn	Doanh thu	18.924.170.970
	Mua hàng hóa dịch vụ	2.219.456.175
	Ứng trước tiền hàng	77.094.298.000
	Trả trước cho người bán	11.925.286.473
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco	Nhượng bán tài sản	3.227.272.725
	Người mua trả tiền trước	59.348.000



Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn	Ứng trước tiền hàng	11.925.286.473
<b>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco</b>		
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn	Người mua trả tiền trước	77.094.298.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco	Người mua trả tiền trước	59.348.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**04 . Thông tin bộ phận**

**a. Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Năm nay Năm trước

Chi tiêu	Đà Nẵng	Quảng Nam	Huế	Tổng cộng	Đà Nẵng	Quảng Nam	Huế	Tổng cộng
Doanh thu thuần về hoạt động xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ra bên ngoài	78.747.036.129	2.698.469.160		81.445.505.289	259.645.411.469	11.512.724.546		271.158.136.015
Doanh thu thuần về dịch vụ trung chuyển ra bên ngoài	12.814.873.527		7.362.110.563	20.176.984.090	7.080.794.547		9.546.210.000	16.627.004.547
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp khác ra bên ngoài	608.116.979			608.116.979	5.565.773.590			5.565.773.590
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	18.924.170.970			18.924.170.970				
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>111.094.197.605</b>	<b>2.698.469.160</b>	<b>7.362.110.563</b>	<b>121.154.777.328</b>	<b>272.291.979.606</b>	<b>11.512.724.546</b>	<b>9.546.210.000</b>	<b>293.350.914.152</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				26.260.893.788				25.567.891.278
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				15.826.764.197				19.931.289.335
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				<b>10.434.129.591</b>				<b>5.636.601.943</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				505.996.527				47.478.072
Chi phí tài chính				(3.104.607.149)				(3.092.031.521)
Thu nhập khác				67.445.689				474.033.956
Chi phí khác				(3.369.332.185)				(649.928.511)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(997.093.551)				(776.623.403)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu (Tiếp theo)	Năm nay			Năm trước				
	Đà Nẵng	Quảng Nam	Huế	Tổng cộng	Đà Nẵng	Quảng Nam	Huế	Tổng cộng
Lợi nhuận sau thuế TNDN				3.536.538.922				1.639.530.536
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				57.384.358.481				4.767.800.473
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				18.479.044.092				27.040.471.824

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý: Tài sản của Công ty chủ yếu tập trung tại trụ sở chính do đó không phát sinh Tài sản theo bộ phận.

### b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

Chi tiêu	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.569.757.133	98.799.919.126	20.176.984.090	608.116.979	121.154.777.328
Tài sản bộ phận	8.723.303.056	258.311.696.629	31.170.212.972		298.205.212.657
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(8.723.303.056)	(48.661.055.425)			(57.384.358.481)
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		271.158.136.015	16.627.004.547	5.565.773.590	293.350.914.152
Tài sản bộ phận		89.974.546.834	30.258.358.682		120.232.905.516
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.767.800.473)			(4.767.800.473)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.761.029.630		23.132.917.386	
Phải thu khách hàng	42.301.227.079	(2.533.135.743)	38.916.060.869	(2.533.135.743)
Trả trước cho người bán	28.977.356.340		675.301.800	
Các khoản phải thu khác	7.222.112.924		3.007.712.912	
Đầu tư tài chính ngắn hạn				
Đầu tư tài chính dài hạn	13.500.000.000		13.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>113.761.725.973</b>	<b>(2.533.135.743)</b>	<b>65.731.992.967</b>	<b>(2.533.135.743)</b>

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	19.540.074.759		10.872.788.066	
Người mua trả tiền trước	90.963.727.057		1.075.270.026	
Vay và nợ	117.077.666.885		37.046.225.474	
Phải trả người lao động	4.486.986.828		3.160.728.766	
Chi phí phải trả	3.264.124.469		1.321.667.411	
Các khoản phải trả khác	9.895.901.558		17.413.022.647	
<b>Cộng</b>	<b>245.228.481.556</b>		<b>70.889.702.390</b>	



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2016*

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

### **06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**

#### **a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### *- Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *- Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	19.540.074.759			19.540.074.759
Người mua trả tiền trước	90.963.727.057			90.963.727.057
Vay và nợ	105.311.777.995	11.765.888.890		117.077.666.885
Chi phí phải trả	3.264.124.469			
Các khoản phải trả phải nộp khác	9.895.901.558			9.895.901.558
<b>Cộng</b>	<b>13.160.026.027</b>	<b>11.765.888.890</b>		<b>237.477.370.259</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

#### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### - Rủi ro về giá

##### + Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

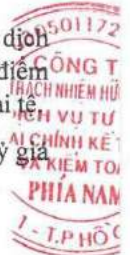
Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

### d. Tài sản đảm bảo

#### - Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	
Tài sản cố định	11.267.626.460
Bất động sản đầu tư	8.723.303.056
Hàng tồn kho	



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**07 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**08 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.PT.

Người lập biểu

HOÀNG MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN ÂN

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



NGUYỄN XUÂN HƯỜNG